

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**THEO BỘ DỰ THẢO CÁC TIÊU CHÍ TRƯỜNG**  
**CHẤT LƯỢNG CAO, TRƯỜNG TIẾP CẬN TRÌNH ĐỘ**  
**CÁC NƯỚC KHU VỰC ASEAN VÀ CÁC NƯỚC PHÁT**  
**TRIỂN THUỘC NHÓM G20 NĂM 2019**

*Bắc Ninh, năm 2019*

## MỤC LỤC

PHẦN I:.....	1
TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG VÀ TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ.....	1
<b>I. Tổng quan về Trường .....</b>	<b>1</b>
1. Tên trường: Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản.....	1
2. Tên giao dịch quốc tế .....	1
3. Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.....	1
4. Địa chỉ .....	1
4. Năm thành lập Trường: .....	1
5. Loại hình trường: Công lập.....	1
<b>II. Giới thiệu khái quát về Trường.....</b>	<b>1</b>
1. Lịch sử phát triển: .....	1
2. Những thành tích nổi bật của nhà Trường: .....	5
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự trường: .....	5
<b>III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường.....</b>	<b>7</b>
1. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của Trường: .....	7
2. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo: .....	8
<b>VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....</b>	<b>9</b>
1. Cơ sở vật chất, tài chính.....	9
2. Tài chính.....	10
PHẦN II .....	11
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ .....	11
<b>I. Kết quả đánh giá 3 điều kiện tiên quyết .....</b>	<b>11</b>
<b>II. Kết quả đánh giá theo 5 tiêu chí .....</b>	<b>12</b>

1. Bảng điểm tổng hợp .....	12
2. Kết quả đánh giá chi tiết .....	18
PHẦN III. ....	31
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG.....	31
<b>I. Phương hướng chung về phát triển Trường giai đoạn đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030 .....</b>	<b>31</b>
<b>II. Quy mô đào tạo và ngành nghề đào tạo.....</b>	<b>31</b>
2.1. Quy mô đào tạo .....	31
2.2. Ngành nghề đào tạo.....	33
2.3. Nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp .....	34
2.4. Phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên.....	35
* Mục tiêu.....	35
a). Tổ chức bộ máy.....	35
2.5. Đầu tư cơ sở vật chất.....	39
2.6. Phương án về tài chính.....	40
PHẦN IV. ....	41
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	41

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Stt	Viết tắt	Từ
1	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	CB-GV-NV	Cán bộ - Giảng viên - Nhân viên
3	CBQL	Cán bộ quản lý
4	CLGD	Chất lượng giáo dục
5	CN	Công nghệ
6	CNĐTTT	Công nghệ điện tử truyền thông
7	CNH-HĐH	Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa
8	CNTT	Công nghệ thông tin
9	CSVC	Cơ sở vật chất
10	CTĐT	Chương trình đào tạo
11	CTGD	Chương trình giáo dục
12	CTSV	Công tác Sinh viên
13	ĐTNVN	Đài Tiếng nói Việt Nam
14	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng - An ninh
15	QT	Hành chính - Quản trị
16	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
17	KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo
18	KH-TC	Kế hoạch - Tài chính
19	KT-ĐBCLGD	Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục
20	KT-XH	Kinh tế - Xã hội
21	NCKH&ƯD	Nghiên cứu khoa học & Ứng dụng
22	NSNN	Ngân sách nhà nước
23	PPGD	Phương pháp giảng dạy
24	PTTH II	Phát thanh - Truyền hình II
25	TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
26	TC-HC	Tổ chức - Hành chính
27	TDTT	Thể dục thể thao
28	TNCS	Thanh niên Cộng sản
29	VHVN	Văn hóa văn nghệ
30	VN	Văn nghệ

## PHẦN I:

### TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG VÀ TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ

#### I. Tổng quan về Trường

**1. Tên trường:** Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản

**2. Tên giao dịch quốc tế:** FISHERIES AND TECHNICAL ECOLOGIC COLLEGE

**3. Cơ quan chủ quản:** Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

**4. Địa chỉ:**

- **Cơ sở I:** phường Đình Bảng - thị xã Từ Sơn - tỉnh Bắc Ninh.

+ Điện thoại: 0222. 831632; 0222.833873

+ Fax: 0222. 832.909

- **Cơ sở II:** phường Minh Thành - thị xã Quảng Yên - tỉnh Quảng Ninh.

+ Điện thoại: 0203. 3681.966

+ Fax: 0203. 3681.966

**Website:** <http://www.ftec.edu.vn>

**4. Năm thành lập Trường:** 1962

**5. Loại hình trường:** Công lập

#### II. Giới thiệu khái quát về Trường

##### 1. Lịch sử phát triển:

Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ Thủy sản trước đây), chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trường nằm trong hệ thống mạng lưới các trường Đại học, Cao đẳng của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường đóng trên địa bàn thuộc phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội 13 km (Cạnh đường quốc lộ 1A từ Hà Nội đi Lạng Sơn). Nơi đây có truyền thống hiếu học, khoa bảng, là vùng đất địa linh, nhân kiệt, có nhiều di tích lịch sử được xếp hạng như Đền Đô thờ 8 vị vua đời nhà Lý, khu tưởng niệm các chiến sỹ cách mạng Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ, cùng nhiều di tích lịch sử được xếp hạng khác.

Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế có trình độ từ Cao đẳng, Trung cấp và công nhân kỹ thuật, liên kết với Trường Đại học để đào tạo bậc Đại học và Cao đẳng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và của ngành nói riêng. Sau 55 năm (1962 - 2017) xây dựng và

phát triển trường đã trải qua nhiều thời kỳ, gắn với nhiều biến cố lịch sử của đất nước.

### **Giai đoạn từ năm 1962 đến năm 1978**

Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản ra đời từ cái nôi của Trường Trung cấp Nông Lâm Trung ương đóng ở xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Năm 1962 Khoa Thủy sản của trường được tách ra và thành lập Trường Trung cấp Thủy sản Trung ương được xây dựng tại thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Chỉ trong một thời gian ngắn theo chủ trương của Nhà nước các Trường Đại học, Trung cấp chuyên nghiệp nên ở gần các cơ sở sản xuất của ngành, với chủ trương đó trường được chuyển về xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Năm 1964 Trường Trung cấp Thủy sản Trung ương sát nhập với Trường Trung cấp Thủy sản Hải Phòng thành Trường trung cấp Thủy sản Trung ương II-Trực thuộc Tổng cục Thủy sản, đóng tại xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, theo Quyết định số 128 TS/QĐ ngày 23/3/1964. Trong thời gian này giặc Mỹ gây ra sự kiện Vịnh Bắc bộ, tiếp đến chiến tranh phá hoại của Mỹ bắt đầu, Trường được sơ tán về 3 xã Gia Khánh, Gia Lương và Gia Tân thuộc huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, sau đó lại sơ tán về xã Tam Sơn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc ( Nay là xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh ).

Để kết hợp chặt chẽ giữa công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, năm 1971 Trường được chuyển về xã Đình Bảng, huyện Tiên sơn, tỉnh Hà Bắc (Nay là phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) để gần Trạm nghiên cứu cá nước ngọt, theo Quyết định số 423 TS/QĐ ngày 31/6/1971.

Trong giai đoạn này nhà trường đào tạo 2 chuyên ngành chính là Trung cấp Nuôi trồng Thủy sản và Trung cấp Khai thác đánh bắt Hải sản. Với hoàn cảnh, điều kiện khó khăn về nhiều mặt, cơ sở vật chất kỹ thuật thiếu thốn, nghèo nàn và lạc hậu, trường lớp đơn sơ như lán trại. Chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ra miền Bắc, nhà trường đã phải nhiều lần đi sơ tán, vừa đào tạo, vừa sản xuất và chiến đấu. Những khó khăn đó có lúc tưởng chừng sự nghiệp đào tạo của nhà trường sẽ theo đà đi xuống không thể vực lên được. Cũng vào thời điểm này đã có không ít thầy giáo và học sinh lớp lớp kế tiếp nhau tạm xếp bút sách lên đường nhập ngũ cầm súng chiến đấu chống Mỹ cứu nước và bảo vệ biên giới phía Bắc và Tây Nam của Tổ quốc. Trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước em **Lê Thế Bui** là học sinh của trường đã anh dũng hy sinh và được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

## **Giai đoạn từ năm 1979 đến năm 2006**

Tháng 5 năm 1979 trường tiếp tục được hợp nhất bởi hai trường Trung cấp Thủy sản Trung ương II và trường Bổ túc văn hoá nghiệp vụ Thủy sản, thành Trường Trung học Thủy sản IV trực thuộc Bộ Thủy sản, theo Quyết định số 411/HS - QĐ.TC ngày 07/5/1979 của Bộ Trưởng Bộ Thủy sản.

Trường ra đời vẫn trong điều kiện có nhiều khó khăn và thiếu thốn, mãi đến năm 1980 nhà trường mới chính thức được Nhà nước đầu tư xây dựng trên khu đất có diện tích 2,2 ha tại xã Đình Bảng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay là thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Từ một ngôi trường đơn sơ như lán trại đã được thay thế dần bằng những toà nhà cao tầng khang trang, sạch đẹp. Với một cấp học và bốn ngành học đó là: Ngành Nuôi trồng Thủy sản; Ngành Kế toán; Ngành Kế hoạch và ngành Lao động tiền lương. Cùng với sự nghiệp đổi mới của đất nước, từ năm 1991 trở lại đây trường đã tích cực thực hiện chủ trương đa dạng hoá các cấp đào tạo, ngành đào tạo và loại hình đào tạo, thực hiện chủ trương liên thông liên kết trong đào tạo. Kết quả đến năm 2006 trường từ một trường đơn cấp đào tạo trở thành trường đa cấp đào tạo (Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, Dạy nghề, liên kết với đại học Nha trang đào tạo bậc đại học), với các ngành như: Nuôi trồng thủy sản, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Thú y thủy sản. Hình thức đào tạo cũng ngày một phong phú, như đào tạo chính quy tập trung, đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo theo địa chỉ... Quy mô đào tạo ngày một tăng nhanh. Từ chỗ trên, dưới 200 học sinh/năm (Năm 1985), lên hơn 4000 học sinh, sinh viên/năm (Năm 2006).

Cùng với sự phát triển về quy mô đào tạo, cấp đào tạo và ngành nghề đào tạo, đội ngũ giáo viên nhà trường đã có bước trưởng thành nhanh chóng cả về số lượng, chất lượng và đồng bộ về cơ cấu. Đội ngũ giáo viên nhà trường phát triển từ chỗ có khoảng 24 giáo viên (Năm 1985) lên 73 giáo viên giảng dạy và hàng chục giáo viên thỉnh giảng ở các trường Đại học, các Viện nghiên cứu đã tham gia vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực của nhà trường. Trình độ giáo viên của nhà trường từ chỗ 100% giáo viên có trình độ đại học (Năm 1997), đến nay đã m giáo viên có trình độ Thạc sỹ (chiếm 95% tổng số giáo viên của trường), có 03 giáo viên có **trình độ Tiến sỹ và 5 giáo viên làm nghiên cứu sinh.**

Kết quả đầu tư trên, cùng với các nguồn thu của nhà trường đã tạo cho nhà trường một cơ sở hạ tầng cùng các trang thiết bị khá đồng bộ và theo hướng hiện đại, nhất là hệ thống các phòng thực hành, thí nghiệm, các cơ sở thực hành thực tập và rèn nghề cho học sinh, sinh viên. Hệ thống lớp học, thư viện và các phòng làm việc của cán bộ giáo viên công nhân viên nhà trường ngày càng khang trang, sạch sẽ và từng bước hiện đại, đúng như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng

đã nói “ Phải xây dựng trường ra trường, lớp ra lớp”. Đây thực sự là cơ sở thực tiễn quan trọng nhằm thúc đẩy quá trình đào tạo theo chiều sâu của nhà trường trong tương lai. Đời sống của cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh - sinh viên được cải thiện rõ rệt.

Sự nghiệp đào tạo của nhà trường giai đoạn 2001 - 2006 đã mở ra một thời kỳ rực rỡ, với đa cấp học, ngành học và loại hình đào tạo. Với đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên trẻ, giàu nghị lực, đoàn kết và có trình độ chắc chắn nhà trường sẽ vượt qua những khó khăn, thách thức trước yêu cầu hội nhập và hợp tác.

### **Giai đoạn từ năm 2006 đến tháng 9 năm 2016**

Ngày 15 tháng 11 năm 2006 Trường Trung học thủy sản IV được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Thủy sản theo Quyết định số 6768/QĐ - BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Cao đẳng thủy sản ra đời đánh dấu sự trưởng thành về chất sau hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, xứng đáng với truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo và hội nhập của nhà trường. Đồng thời đây cũng là cơ hội để nhà trường xây dựng những chặng đường phát triển trong tương lai, góp phần tích cực vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Với yêu cầu mới của một trường Cao đẳng, nhà trường tiếp tục được Nhà nước quan tâm đầu tư 5 dự án, đó là: Dự án mở rộng trường cao đẳng thủy sản tại phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn với diện tích mở rộng là 10 hecta. Dự án xây dựng đường và cơ sở hạ tầng; Dự án khu giáo dục thể chất và nhà ký túc xá số 2 trên khu đất mở rộng của trường tại thôn Long Vĩ, tại phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Dự án mở rộng trường Cao đẳng Thủy sản giai đoạn 2 với diện tích 2,7 hecta tại phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và Dự án nâng cấp trại thực nghiệm nuôi trồng thủy sản - Quảng Ninh. Tổng kinh phí đầu tư từ các dự án trên là gần 200 tỷ đồng.

Sau hơn nửa thế kỷ xây dựng và trưởng thành Trường Cao đẳng Thủy sản đã dần đi vào thế phát triển theo hướng ổn định và bền vững, tạo đà để tiếp tục phát triển thành một trường Đại học đa cấp học, đa ngành học trong thời gian không xa (dự kiến vào giai đoạn 2020 đến 2025). Đáp ứng yêu cầu hội nhập, hợp tác quốc tế trong khu vực và thế giới trên lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực.

### **Giai đoạn từ tháng 9/2016 đến nay**

Ngày 30/9/2016, Trường Cao đẳng Thủy sản được đổi tên thành **Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản** theo Quyết định số 4004/QĐ - BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.



## **Đánh giá nguồn nhân lực sau 55 năm đào tạo**

Kết quả sau 55 năm đào tạo nguồn nhân lực. Nhà trường đã đào tạo được hơn 45.000 học sinh, sinh viên ra trường. Các thế hệ học sinh, sinh viên ra trường đều có việc làm, đã và đang đóng góp tích cực vào sự nghiệp bảo vệ tổ quốc trước đây cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay, đóng góp tích cực vào chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chương trình xoá đói giảm nghèo của Đảng và Nhà nước. Trong số hàng nghìn học sinh, sinh viên ra trường nhiều em đã trở thành cán bộ nghiên cứu khoa học hiện đang công tác tại các Viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục, một số em đã có trình độ Tiến sĩ, thạc sĩ. Nhiều em đã trở thành cán bộ quản lý Nhà nước của ngành Thủy sản (từ Trung ương đến địa phương), Giám đốc, Phó giám đốc các doanh nghiệp trong và ngoài ngành Thủy sản, các chủ trang trại vừa và nhỏ. Đây thực sự là những tấm gương sáng, những bông hoa đẹp trong học tập và rèn luyện để lớp lớp thế hệ học sinh, sinh viên nhà trường sau này noi theo.

### **2. Những thành tích nổi bật của nhà Trường:**

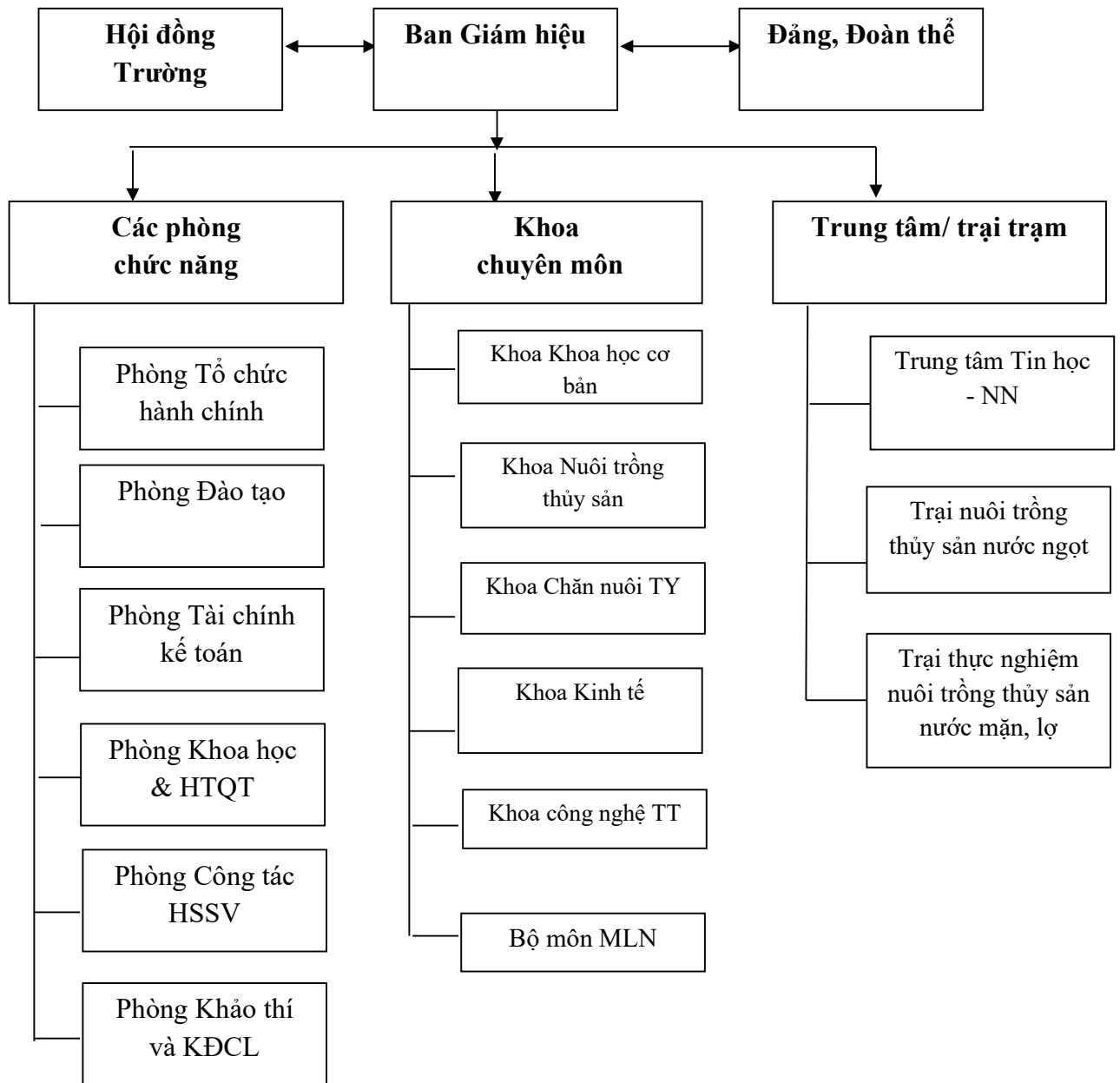
Trường đã được Đảng, Nhà nước, Chính phủ, ngành, địa phương tặng nhiều phần thưởng cao quý cho thầy và trò nhà trường.

- + Huân chương Độc lập hạng Nhì, Ba.
- + Huân chương lao động hạng Nhất, Nhì, Ba.
- + Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- + 6 năm liền (2001 - 2006) được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua.
- + 04 lần được Bộ Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng cờ thi đua.
- + 03 lần được Tỉnh Bắc Ninh tặng cờ thi đua.
- + 04 lần được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng cờ thi đua.
- + 02 lần được Tỉnh ủy Bắc Ninh tặng bằng khen.
- + Nhiều tập thể, cá nhân được Chủ tịch nước, Chính phủ, Bộ, tỉnh Bắc Ninh thủy sản tặng Huân chương, Bằng khen, giấy khen.
- + Đảng bộ nhà trường liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Công đoàn, Đoàn thanh niên liên tục được công nhận đơn vị vững mạnh.
- + 05 giáo viên được phong tặng nhà giáo ưu tú.
- + 05 giáo viên được công nhận là giáo viên dạy giỏi toàn quốc ngành giáo dục Trung học chuyên nghiệp.

### **3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự trường:**

- **Hội đồng trường:** Chủ tịch
- **Ban Giám hiệu** gồm 3 đồng chí:
  - + 01 Hiệu trưởng;
  - + 02 Phó Hiệu trưởng.
- **Phòng chức năng: Có 6 phòng**
  - + Phòng Đào tạo;
  - + Phòng Tổ chức - Hành chính;
  - + Phòng Tài chính – Kế toán;
  - + Phòng Khoa học và hợp tác Quốc tế;
  - + Phòng Công tác sinh viên;
  - + Phòng Khảo thí – và kiểm định chất lượng
- **Đơn vị chuyên môn: có 5 khoa và 01 tổ bộ môn**
  - + Khoa Kinh tế;
  - + Khoa Nuôi trồng Thủy sản;
  - + Khoa Khoa học Cơ bản.
  - + Khoa thú y
  - + Khoa Công nghệ thông tin
  - + Tổ Bộ môn Máclênin
- **Trung tâm nghiên cứu: 04**
  - + Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;
- **Trại thực nghiệm: 02**
  - + Trại nuôi trồng thủy sản nước ngọt
  - + Trại thực nghiệm nuôi trồng thủy sản nước mặn lợ
- **Các tổ chức đoàn thể:**
  - Đảng bộ trực thuộc Đảng bộ Thị ủy thị xã Từ Sơn.
  - Tổ chức Công đoàn trực thuộc Công đoàn Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.
  - Tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

## SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY



### III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường

#### 1. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của Trường:

a. **Đội ngũ Cán bộ - Giảng viên - Nhân viên cơ hữu:** 156 Trong đó: - Nam: 71- Nữ:

85

Tổng số giảng viên cơ hữu/CB-GV-NV: 86/86 chiếm tỷ lệ 100%.

**b. Trình độ đào tạo:**

<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Tổng số</b>
Tiến sĩ	03
Thạc sĩ	76
Đại học	48
Cao đẳng	6
Trung cấp	8
Công nhân bậc 5/7 trở lên	
Trình độ khác	15
<b>Tổng số</b>	<b>156</b>

**2. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo:**

<b>TT</b>	<b>Tên ngành, nghề</b>	<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Năm 2016</b>
1	Nuôi trồng thủy sản	Cao đẳng	128
2	Chế biến và bảo quản thủy sản	„	120
3	Công nghệ kỹ thuật môi trường	„	96
4	Công nghệ sinh học	„	136
5	Kế toán		228
6	Quản trị kinh doanh	„	35
7	Công nghệ thông tin	„	117
8	Chăn nuôi thú y	„	112
9	Nuôi trồng thủy sản	Trung cấp	398
10	Tin học ứng dụng	„	61
11	Quản lý doanh nghiệp	„	53
12	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt		235
13	Nuôi trồng thủy sản	Sơ cấp	160
14	Chăn nuôi thú y	„	85
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1964</b>

## VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

### 1. Cơ sở vật chất, tài chính

#### ❖ Trụ sở 1:

- Tổng diện tích đất : 144.796,8 m<sup>2</sup>, trong đó:
  - + Diện tích xây dựng: 17.535,02 m<sup>2</sup>
  - + Diện tích cây xanh, lưu không: 127.261,78 m<sup>2</sup>

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng	Đang xây dựng
1	Khu hiệu bộ	501m <sup>2</sup>	
2	Phòng học lý thuyết	3.584m <sup>2</sup>	
3	Xưởng/Phòng thực hành	636m <sup>2</sup>	
4	Khu phục vụ		
4.1	<i>Thư viện</i>	<i>1.245m<sup>2</sup></i>	
4.2	<i>Ký túc xá</i>	<i>4.950m<sup>2</sup></i>	
4.3	<i>Nhà ăn</i>	<i>1.476m<sup>2</sup></i>	
4.4	<i>Trạm y tế</i>	<i>200m<sup>2</sup></i>	
4.5	<i>Khu thể thao</i> <i>Nhà thi đấu đa năng</i> <i>Bể bơi</i>	<i>2.280m<sup>2</sup></i> <i>1.870m<sup>2</sup></i>	
5	Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có)		
5.1	Hội trường	514m <sup>2</sup>	
5.2	Phòng máy tính	600m <sup>2</sup>	
5.3	Phòng ngoại ngữ	200m <sup>2</sup>	

#### ❖ Trụ sở 2

- Tổng diện tích đất : 500.000m<sup>2</sup>, trong đó:
  - + Diện tích xây dựng: 4.321 m<sup>2</sup>
  - + Diện tích cây xanh, lưu không, ao đầm: 495.679 m<sup>2</sup>

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng	Đang xây dựng
1	Khu hiệu bộ	1.321m <sup>2</sup>	
2	Phòng học lý thuyết	360m <sup>2</sup>	
3	Xưởng/Phòng thực hành	180m <sup>2</sup>	
4	Khu phục vụ		

<b>4.1</b>	<i>Thư viện</i>	<i>300m<sup>2</sup></i>	
<b>4.2</b>	<i>Ký túc xá</i>	<i>490m<sup>2</sup></i>	
<b>4.3</b>	<i>Nhà ăn</i>	<i>197m<sup>2</sup></i>	
<b>4.4</b>	<i>Trạm y tế</i>		
<b>4.5</b>	<i>Khu thể thao</i>		
<b>5</b>	Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có)		

## 2. Tài chính

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>
<b>1. Nguồn thu</b>	21.084	22.165	24607
<i>NSNN cấp</i>	<i>19.493</i>	<i>20.580</i>	<i>23082</i>
<i>Thu học phí</i>	<i>869</i>	<i>482</i>	<i>663</i>
<i>ODA</i>			
<i>Nguồn khác</i>	<i>722</i>	<i>1.103</i>	<i>862</i>
<b>2. Tổng quyết toán</b>	<b>19.247</b>	<b>20.447</b>	<b>23808</b>

**PHẦN II**  
**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. Kết quả đánh giá 3 điều kiện tiên quyết**

STT	Các điều kiện	Kết quả đánh giá (Đạt/Không đạt)	Thuyết minh đánh giá
1	Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp/dạy nghề;	<b>Đạt</b>	<p>Trường đã hoàn thành tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành gồm 10 tiêu chuẩn với 55 tiêu chí. Trong đó đạt 52/55 tiêu chí (95,6%). Hàng năm, Nhà trường tiếp tục cập nhật, bổ sung các minh chứng theo các tiêu chuẩn, tiêu chí tại Quyết định số 67/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007.</p> <p>Thực hiện Quyết định số 66/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 37/2012/TT-BGDĐT ngày 30/10/2012, Nhà trường đã tự thực hiện đánh giá chất lượng trường cao đẳng.</p> <p>Hiện nay, Trường đã và đang tự kiểm định chất lượng theo Văn bản số 1845/TCDN-KĐCL ngày 24/7/2017 của Tổng cục Dạy nghề về tiến hành tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo 8 tiêu chí được quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH.</p>
2	Có diện tích đất sử dụng tối thiểu 50.000m <sup>2</sup>	<b>Đạt</b>	<p>Cơ sở I: diện tích= 144.796,8 m<sup>2</sup></p> <p>Cơ sở II: diện tích =500.000 m<sup>2</sup></p> <p>Tổng = 644.796,8 m<sup>2</sup></p>
3	Ít nhất 50% nhà giáo có trình độ thạc sĩ trở lên	<b>Đạt</b>	Nhà trường hiện có 79/86 = 92 % giáo viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên

## II. Kết quả đánh giá theo 5 tiêu chí

### 1. Bảng điểm tổng hợp

Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>TỔNG</b>	<b>100</b>	<b>87</b>
<b><u>Tiêu chí 1: Quy mô đào tạo, trình độ HSSV và dịch vụ hỗ trợ HSSV</u></b>	<b><u>16</u></b>	<b><u>13</u></b>
<b><i>Tiêu chuẩn 1.1.</i></b> Quy mô đào tạo tối thiểu là 2.000 HSSV học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng (tính theo số học sinh, sinh viên quy đổi)	2	2
<b><i>Tiêu chuẩn 1.2.</i></b> Ít nhất 50% học sinh, sinh viên học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng (tính theo số HSSV quy đổi) học các nghề trọng điểm.	2	2
<b><i>Tiêu chuẩn 1.3.</i></b> Trên 90% HSSV nghề trọng điểm được đánh giá đạt tốt nghiệp hàng năm theo ngân hàng đề thi chung;	2	2
<b><i>Tiêu chuẩn 1.4.</i></b> HSSV nghề trọng điểm quốc gia đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin Truyền thông.	2	2
<b><i>Tiêu chuẩn 1.5.</i></b> HSSV nghề trọng điểm quốc tế đạt chuẩn trình độ tin học quốc tế theo chương trình chuyển giao từ nước ngoài	2	0
<b><i>Tiêu chuẩn 1.6.</i></b> HSSV nghề trọng điểm đạt trình độ ngoại ngữ B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương	2	1
<b><i>Tiêu chuẩn 1.7.</i></b> Có các dịch vụ hỗ trợ HSSV (nhà ăn, khu thể thao, ký túc xá, thư viện, y tế), đáp ứng nhu cầu của HSSV.	2	2
<b><i>Tiêu chuẩn 1.8.</i></b> Có và thường xuyên thực hiện các hoạt động khuyến khích, hỗ trợ HSSV	2	2
<b><i>Tiêu chí 2: Đào tạo gắn với nhu cầu người sử dụng lao động</i></b>	<b><u>22</u></b>	<b><u>20</u></b>



Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 2.1.</b> 80% HSSV trong vòng 1 năm sau tốt nghiệp có việc làm; trong đó: nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, quốc tế đạt ít nhất 90%;	3	2
<b>Tiêu chuẩn 2.2.</b> Ít nhất 75% doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động khẳng định trình độ của HSSV tốt nghiệp từ trường hiện đang làm việc tại doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc	3	3
<b>Tiêu chuẩn 2.3.</b> Tỷ lệ thời gian đào tạo thực hành cao (ít nhất <u>60%</u> tổng thời gian đào tạo), nội dung thực hành gắn với môi trường làm việc thực tế;	3	3
<b>Tiêu chuẩn 2.4.</b> Hiện tại, trường đang hợp tác có hiệu quả với ít nhất 10 doanh nghiệp và <u>tất cả các nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, quốc tế của trường đều có hợp tác với ít nhất 01 doanh nghiệp.</u>	1	1
<b>Tiêu chuẩn 2.5.</b> Hợp/hội thảo trao đổi về đào tạo hợp tác ít nhất 2 lần một năm với doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề.	1	1
<b>Tiêu chuẩn 2.6.</b> Doanh nghiệp /Hiệp hội nghề nghiệp tham gia vào các hoạt động: xây dựng chương trình đào tạo; xây dựng chuẩn đầu ra; đánh giá và cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của người học.	2	2
<b>Tiêu chuẩn 2.7.</b> Thực hiện đào tạo hợp tác theo đúng chương trình/kế hoạch tại trường và tại doanh nghiệp.	3	3
<b>Tiêu chuẩn 2.8.</b> Trường thực hiện hợp tác/trao đổi kiến thức thường xuyên với các cán bộ đào tạo của doanh nghiệp (bao gồm cả kiến thức về sự phạm) đối với nghề đào tạo tại trường và tại doanh nghiệp.	2	2
<b>Tiêu chuẩn 2.9.</b> Cung cấp, tổ chức các khóa đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp trong và ngoài nước.	2	1
<b>Tiêu chuẩn 2.10.</b> Cung cấp các khóa bồi dưỡng cho nhà giáo để nâng cao kỹ năng nghề	1	1

<b>Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 2.11.</b> Cung cấp các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn cho cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác về tổ chức đào tạo hợp tác	1	1
<b><u>Tiêu chí 3: Đội ngũ nhà giáo</u></b>	<b><u>25</u></b>	<b><u>21</u></b>
<b>Tiêu chuẩn 3.1.</b> Đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin Truyền thông hoặc tương đương	3	3
<b>Tiêu chuẩn 3.2.</b> Nhà giáo dạy nghề trọng điểm quốc tế đạt chuẩn trình độ tin học quốc tế (MOS, IC3, ...) hoặc đạt chuẩn theo chương trình chuyên giao	2	1
<b>Tiêu chuẩn 3.3.</b> Đội ngũ nhà giáo đạt trình độ ngoại ngữ B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương	3	2
<b>Tiêu chuẩn 3.4.</b> Nhà giáo dạy các nghề trọng điểm đạt trình độ B2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương.	2	2
<b>Tiêu chuẩn 3.5.</b> Đội ngũ nhà giáo có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc thực tế tại các doanh nghiệp/khu vực kinh tế, kỹ thuật ở các lĩnh vực nghề liên quan	3	3
<b>Tiêu chuẩn 3.6.</b> Nhà giáo tham gia thực tập/bồi dưỡng/thăm quan tại các doanh nghiệp theo quy định và tối thiểu 03 tuần một năm để cập nhật kiến thức/kỹ năng/công nghệ tiên tiến	2	2
<b>Tiêu chuẩn 3.7.</b> Nhà giáo dạy thực hành có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 trở lên,	3	3
<b>Tiêu chuẩn 3.8.</b> Nhà giáo dạy các nghề trọng điểm quốc tế có chứng chỉ sư phạm/chứng chỉ kỹ năng nghề/chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng do tổ chức quốc tế cấp	2	1
<b>Tiêu chuẩn 3.9.</b> Tỷ lệ nhà giáo có trình độ thạc sỹ trở lên ít nhất là 70%.	3	3
<b>Tiêu chuẩn 3.10.</b> Trường có ít nhất 05 nhà giáo là đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia và có nhà giáo là đánh giá viên kỹ năng nghề quốc tế	2	1
<b><u>Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo và Cơ sở vật chất,</u></b>	<b><u>20</u></b>	<b><u>18</u></b>

Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b><u>trang thiết bị</u></b>		
<b>Tiêu chuẩn 4.1:</b> Trường xây dựng chuẩn đầu ra cho tất cả các chương trình đào tạo của trường;	2	2
<b>Tiêu chuẩn 4.2.</b> Chương trình đào tạo nghề trọng điểm quốc tế áp dụng tiêu chuẩn của chương trình chuyển giao từ các nước khu vực ASEAN-4 và các nước phát triển thuộc nhóm G20.	2	0
<b>Tiêu chuẩn 4.3.</b> Chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu tham khảo, bài giảng của 100% mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo các nghề trọng điểm được số hóa.	2	1
<b>Tiêu chuẩn 4.4.</b> Các chương trình đào tạo các nghề trọng điểm sử dụng phần mềm mô phỏng thực hành nghề đáp ứng yêu cầu giảng dạy.	2	1
<b>Tiêu chuẩn 4.5.</b> Diện tích đất sử dụng tối thiểu 50.000 m <sup>2</sup> , trong đó bảo đảm diện tích phòng học, xưởng dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 7,5 m <sup>2</sup> /chỗ học; diện tích phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ bảo đảm ít nhất bình quân 8 m <sup>2</sup> /người.	2	2
<b>Tiêu chuẩn 4.6.</b> Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo để hình thành 3 kỹ năng: kỹ năng cơ bản chung của lĩnh vực nghề, kỹ năng chuyên môn nghề, kỹ năng tổng thể trong điều kiện làm việc thực tế.	3	3
<b>Tiêu chuẩn 4.7.</b> Thiết bị đào tạo các nghề trọng điểm phù hợp với công nghệ hiện đại áp dụng tại doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động	3	3
<b>Tiêu chuẩn 4.8.</b> Trường thực hiện quản lý, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị theo đúng quy trình chuẩn	2	2
<b>Tiêu chuẩn 4.9.</b> Trường có và sử dụng hiệu quả trang thiết bị an toàn.	2	2

Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b><u>Tiêu chí 5: Quản trị nhà trường hiệu quả và hội nhập quốc tế:</u></b>	<b><u>17</u></b>	<b><u>15</u></b>
<b><i>Tiêu chuẩn 5.1.</i></b> Trường có chiến lược phát triển trường và kế hoạch trong 5 năm với các nguồn tài chính dự kiến đủ để triển khai các hoạt động, bù đắp cho các chi phí hiện tại cũng như dự phòng để tái đầu tư;	2	2
<b><i>Tiêu chuẩn 5.2.</i></b> Trường có ít nhất 05 kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp.	1	0
<b><i>Tiêu chuẩn 5.3.</i></b> Hàng năm, Trường có kế hoạch và thực hiện các hoạt động quản lý/đảm bảo chất lượng nội bộ (Khảo sát lấy ý kiến các đối tượng liên quan đến hoạt động đào tạo; nghiên cứu lần vết; đánh giá các quy trình quản lý chất lượng; dự giờ).	2	2
<b><i>Tiêu chuẩn 5.4.</i></b> Các kết quả từ việc thực hiện các hoạt động quản lý chất lượng được sử dụng hàng năm để nâng cao chất lượng đào tạo.	1	1
<b><i>Tiêu chuẩn 5.5.</i></b> Các hoạt động quản lý văn bản; quản lý đào tạo (quản lý chương trình đào tạo, môn học, học sinh, điểm...), quản lý thư viện; kế toán; quản lý tài sản; quản lý cán bộ, giáo viên, giảng viên của trường nghề có sử dụng phần mềm phục vụ hiệu quả yêu cầu công việc (không tính phần mềm word, excel).	2	2
<b><i>Tiêu chuẩn 5.6.</i></b> Đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường có chứng chỉ/bằng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp/quản lý trường học hoặc có kinh nghiệm làm việc tại vị trí tương đương.	2	2
<b><i>Tiêu chuẩn 5.7.</i></b> Hiệu trưởng có chứng chỉ đào tạo/bồi dưỡng quản lý giáo dục/giáo dục nghề nghiệp do tổ chức quốc tế cấp;	1	1
<b><i>Tiêu chuẩn 5.8.</i></b> Hàng năm có các chuyên gia phương pháp đào tạo, quản lý chất lượng và nghiên cứu ứng dụng đổi mới trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đến trường để chia sẻ/trao đổi kinh nghiệm.	1	1
<b><i>Tiêu chuẩn 5.9.</i></b> Trường thực hiện các nghiên cứu ứng dụng, các dự án thí điểm về đào tạo (khóa đào tạo mới; hình thức, nội dung, phương pháp đào tạo mới; đào tạo theo mô – đun/tín chỉ, đào tạo hợp tác với doanh nghiệp...)	2	2

Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 5.10.</b> Thường xuyên hợp tác/trao đổi nội dung liên quan đến đào tạo với các cơ sở đào tạo giáo dục nghề nghiệp/tổ chức đào tạo quốc tế	2	2
<b>Tiêu chuẩn 5.11.</b> Thành viên của mạng lưới nghề nghiệp/hiệp hội nghề nghiệp quốc tế	1	0

## 2. Kết quả đánh giá chi tiết

### 2.1 Tiêu chí 1: Quy mô đào tạo, trình độ HSSV và dịch vụ hỗ trợ HSSV

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
<p><b>Tiêu chuẩn 1.1.</b> Quy mô đào tạo tối thiểu là 2.000 HSSV học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng (tính theo số học sinh, sinh viên quy đổi)</p>	2	2	<p>Nhà trường đã được Tổng cục Dạy nghề cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề số 46/2017/GCNĐKHD-TCDN ngày 05 tháng 5 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động dạy nghề số 46a/2017/GCNĐKBS-TCDN ngày 21/6/2017.</p> <p>Tính đến thời điểm 31/12/2016, Nhà trường đào tạo số HSSV <b>2472</b> trong đó có <b>978</b> SV cao đẳng và <b>1249</b> trung cấp và <b>245</b> học viên sơ cấp.</p>
<p><b>Tiêu chuẩn 1.2.</b> Ít nhất 50% học sinh, sinh viên học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng (tính theo số HSSV quy đổi) học các nghề trọng điểm.</p>	2	2	<p>Nhà trường vừa chuyển về mặt quản lý nhà nước từ Bộ Giáo dục và Đào tạo sang hoạt động theo Luật Giáo dục nghề nghiệp nên Trường chưa được phê duyệt đào tạo các nghề trọng điểm. Trường đã có văn bản đề nghị được đào tạo các nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, khu vực, Quốc tế đã được Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn chấp thuận để đề nghị sang Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề số 46/2017/GCNĐKHD-TCDN ngày 05 tháng 5 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động dạy nghề số</p>

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
			46a/2017/GCNĐKBS-TCĐN ngày 21/6/2017
<b>Tiêu chuẩn 1.3.</b> Trên 90% HSSV nghề trọng điểm được đánh giá đạt tốt nghiệp hàng năm theo ngân hàng đề thi chung;	2	2	Hiện nay, Nhà trường đã thực hiện đánh giá tốt nghiệp HSSV hàng năm theo ngân hàng đề thi chung của Trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
<b>Tiêu chuẩn 1.4.</b> HSSV nghề trọng điểm quốc gia đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin Truyền thông.	2	2	Nhà trường đang đào tạo các môn học về sử dụng công nghệ thông tin của các ngành học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện nay đang triển khai cho HSSV học và thi theo quy định tại Thông tư số 03 /2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
<b>Tiêu chuẩn 1.5.</b> HSSV nghề trọng điểm quốc tế đạt chuẩn trình độ tin học quốc tế theo chương trình chuyển giao từ nước ngoài	2	0	
<b>Tiêu chuẩn 1.6.</b> HSSV nghề trọng điểm đạt trình độ ngoại ngữ B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương	2	1	HSSV nghề trọng điểm đạt trình độ ngoại ngữ B Chứng chỉ của Bộ GD_ĐT (bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương
<b>Tiêu chuẩn 1.7.</b> Có các dịch vụ hỗ trợ HSSV (nhà ăn, khu thể thao, ký túc xá, thư viện, y tế), đáp ứng nhu cầu của HSSV.	2	2	- Nhà trường có hệ thống thư viện được quan tâm đầu tư phục vụ nhu cầu học tập của HSSV và nhu cầu nghiên cứu của giảng viên. Hiện tại thư

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
			<p>viện có <b>17.131</b> cuốn sách tương đương với <b>1.355</b> đầu sách gồm giáo trình, tài liệu cho tất cả các môn học. Có nhiều đầu báo, tạp chí đáp ứng tốt cho nhu cầu tham khảo, cập nhật thông tin, thời sự chính trị của HSSV và CB-GV-NV.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống Thư viện hằng năm đều được đầu tư nâng cấp về cơ sở vật chất, mua bổ sung tài liệu Thư viện, có các dãy bàn thiết kế riêng để người đọc thuận lợi ngồi nghiên cứu tập trung, phòng chứa tủ sách được thiết kế chứa sách theo chuyên ngành cụ thể. Phòng đọc được đảm bảo đủ ánh sáng, bàn ghế, quạt mát, có đủ các điều kiện thiết bị phòng cháy, chữa cháy và thoát hiểm theo quy định.</li> <li>- Ký túc xá cơ sở 1: <b>4.950m<sup>2</sup></b></li> <li>- Ký túc xá cơ sở 2: <b>490m<sup>2</sup></b></li> </ul> <p>Ký túc xá được bố trí khu vệ sinh khép kín trong phòng rất thuận lợi cho sinh hoạt của học sinh sinh viên, trong phòng ở có giường tầng đủ tối đa mỗi phòng 10 em, có tủ đựng đồ, quần áo chăn màn và bàn học cho các em.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thi đấu đa năng theo tiêu chuẩn Quốc tế, diện tích đưa vào sử dụng <b>2.280m<sup>2</sup></b>, bể bơi <b>1.870m<sup>2</sup></b> đạt yêu cầu thi đấu và phục vụ bơi lội, có sân chơi bãi tập đáp ứng yêu cầu học</li> </ul>



Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
			<p>tập, vui chơi giải trí cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, sinh viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 nhà ăn 2 cơ sở với diện tích <b>1.476m<sup>2</sup></b> và <b>197m<sup>2</sup></b>, thoáng mát, sạch sẽ phục vụ nhu cầu ăn uống của HSSV đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm;</li> <li>- Trạm Y tế diện tích <b>200m<sup>2</sup></b> phục vụ khám chữa bệnh thông thường và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh sinh viên.</li> </ul>
<p><b>Tiêu chuẩn 1.8.</b> Có và thường xuyên thực hiện các hoạt động khuyến khích, hỗ trợ HSSV</p>	2	2	<p>Thực hiện đúng chế độ chính sách xã hội cho người học là một trong những vấn đề được nhà trường quan tâm. Vì vậy ngay từ đầu khóa học HSSV đã được phổ biến đầy đủ, kịp thời các văn bản chế độ chính sách xã hội có liên quan. Căn cứ vào mỗi văn bản quy định đầu mỗi khóa học phòng Công tác HSSV kiểm tra hồ sơ và lập danh sách đối tượng HSSV được hưởng chế độ chính sách gửi về khoa, lớp kiểm tra đối chiếu, sau đó tổng hợp trình Hiệu trưởng ký duyệt. Cùng với chế độ học bổng khuyến khích học tập, chế độ trợ cấp xã hội được hưởng tại trường, nhà trường còn hướng dẫn thực hiện và xác nhận cho người học thuộc đối tượng chính sách về tại địa phương các chế độ trợ cấp khác.</p>

## 2.2. Tiêu chí 2: Đào tạo gắn với nhu cầu người sử dụng lao động

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
<p><b>Tiêu chuẩn 2.1.</b> 80% HSSV trong vòng 1 năm sau tốt nghiệp có việc làm; trong đó: nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, quốc tế đạt ít nhất 90%;</p>	3	2	<p>Nhà Trường đã tổ chức giới thiệu việc làm, sớm hoàn tất hồ sơ tốt nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp, luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị các Cty, doanh nghiệp tiếp xúc phỏng vấn học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp. Qua kết quả điều tra khảo sát, năm 2016 tỷ lệ học sinh của Nhà trường đạt trên 80% có việc làm.</p>
<p><b>Tiêu chuẩn 2.2.</b> Ít nhất 75% doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động khẳng định trình độ của HSSV tốt nghiệp từ trường hiện đang làm việc tại doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc</p>	3	3	<p>Qua khảo sát tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực Nuôi trồng thủy sản tại khu vực Quảng Ninh, Bắc Ninh 75% số doanh nghiệp đều đánh giá HSSV tốt nghiệp của Trường đáp ứng được yêu cầu công việc.</p>
<p><b>Tiêu chuẩn 2.3.</b> Tỷ lệ thời gian đào tạo thực hành cao (ít nhất 60% tổng thời gian đào tạo), nội dung thực hành gắn với môi trường làm việc thực tế;</p>	3	3	<p>Tỷ lệ thời gian đào tạo thực hành trong các chương trình đào tạo của Nhà trường có 70% thời gian dành cho thực hành, nội dung thực hành gắn với môi trường làm việc thực tế.</p>
<p><b>Tiêu chuẩn 2.4.</b> Hiện tại, trường đang hợp tác có hiệu quả với ít nhất 10 doanh nghiệp và tất cả các nghề trong điểm quốc gia, khu vực, quốc tế của trường đều có hợp tác với ít nhất 01 doanh nghiệp.</p>	1	1	<p>Hiện tại, Trường đang hợp tác có hiệu quả với Công ty cổ phần thực phẩm BIM là một thành viên của tập đoàn BIM Việt Nam, được thành lập từ năm 1994 với tiền thân là Công ty mẹ Công ty đầu tư phát triển và sản xuất Hạ Long. Một trong những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn nhất Việt Nam hoạt động đã lĩnh</p>

<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm Tự đánh giá</b>	<b>Thuyết minh</b>
			vực bao gồm: BĐS, Y Tế, Du Lịch, Hàng Không và đặc biệt là Nuôi Trồng Thủy Sản..
<b>Tiêu chuẩn 2.5.</b> Hợp/hội thảo trao đổi về đào tạo hợp tác ít nhất 2 lần một năm với doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề	1	1	Nhà trường thường xuyên tổ chức hội thảo trao đổi về đào tạo hợp tác với doanh nghiệp, các chi cục thủy sản liên quan đến các ngành, nghề đào tạo của Trường.
<b>Tiêu chuẩn 2.6.</b> Doanh nghiệp /Hiệp hội nghề nghiệp tham gia vào các hoạt động: xây dựng chương trình đào tạo; xây dựng chuẩn đầu ra; đánh giá và cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của người học.	2	2	. Doanh nghiệp /Hiệp hội nghề nghiệp là thành viên hội đồng khoa học đào tạo tham gia vào các hoạt động: xây dựng chương trình đào tạo; xây dựng chuẩn đầu ra; đánh giá và cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của người học.
<b>Tiêu chuẩn 2.7.</b> Thực hiện đào tạo hợp tác theo đúng chương trình/kế hoạch tại Trường và tại doanh nghiệp	3	3	Hàng năm, Nhà trường thực hiện đào tạo theo đúng chương trình/kế hoạch tại Trường và đào tạo các lớp ngắn hạn theo yêu cầu của địa phương
<b>Tiêu chuẩn 2.8.</b> Trường thực hiện hợp tác/trao đổi kiến thức thường xuyên với các cán bộ đào tạo của doanh nghiệp (bao gồm cả kiến thức về sự phạm) đối với nghề đào tạo tại trường và tại doanh nghiệp	2	2	Trường đã xây dựng kế hoạch và thường xuyên mời cán bộ đào tạo của các doanh nghiệp để thực hiện hợp tác/trao đổi kiến thức đối với nghề đào tạo tại Trường và tại doanh nghiệp nơi Trường tổ chức đào tạo.
<b>Tiêu chuẩn 2.9.</b> Cung cấp, tổ chức các khóa đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp trong và ngoài nước.	2	1	Trường Thường xuyên Cung cấp, tổ chức các khóa đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp trong nước

<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm Tự đánh giá</b>	<b>Thuyết minh</b>
<b>Tiêu chuẩn 2.10.</b> Cung cấp các khóa bồi dưỡng cho nhà giáo để nâng cao kỹ năng nghề	1	1	Trường đã tổ chức các lớp bồi dưỡng cho giáo viên về đổi mới phương pháp giảng dạy; quản lý, bảo dưỡng thiết bị, dụng cụ thực hành.
<b>Tiêu chuẩn 2.11.</b> Cung cấp các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn cho cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác về tổ chức đào tạo hợp tác	1	1	Trường đã tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao cho cán bộ quản lý, giáo viên cho các cơ sở giáo dục các Trung tâm, chi cục thủy sản....

### 2.3. Tiêu chí 3. Đội ngũ nhà giáo

<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm Tự đánh giá</b>	<b>Thuyết minh</b>
<b>Tiêu chuẩn 3.1.</b> Đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin Truyền thông hoặc tương đương	3	3	Để nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy, cùng với yêu cầu học tập nâng cao về trình độ chuyên môn, giảng viên của Trường còn được tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ tin học. Đến nay 100% giảng viên đã sử dụng thành thạo máy vi tính và phương tiện dạy học phục vụ tốt công tác giảng dạy.
<b>Tiêu chuẩn 3.2.</b> Nhà giáo dạy nghề trọng điểm quốc tế đạt chuẩn trình độ tin học quốc tế (MOS, IC3, ...) hoặc đạt chuẩn theo chương trình chuyển giao	2	1	Sau khi được phê duyệt đào tạo nghề trọng điểm quốc tế. Nhà trường sẽ triển khai cho giáo viên dạy nghề trọng điểm quốc tế thi để lấy chứng chỉ IC3
<b>Tiêu chuẩn 3.3.</b> Đội ngũ nhà giáo đạt trình độ ngoại ngữ B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương	3	2	Để từng bước hội nhập với khu vực và quốc tế, đội ngũ giảng viên của trường được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng trình độ tiếng Anh, có 75% giảng viên đạt trình độ ngoại ngữ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu.

<b>Tiêu chuẩn 3.4.</b> Nhà giáo dạy các nghề trọng điểm đạt trình độ B2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương.	2	2	Đội ngũ nhà giáo của trường đạt 70% trình độ ngoại ngữ B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu.
<b>Tiêu chuẩn 3.5.</b> Đội ngũ nhà giáo có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc thực tế tại các doanh nghiệp/khu vực kinh tế, kỹ thuật ở các lĩnh vực nghề liên quan	3	3	Lãnh đạo Nhà trường đặc biệt quan tâm khuyến khích giảng viên đi học thực tế ở các doanh nghiệp SXKD để cập nhật kiến thức chuyên môn. 100% giáo viên của Trường có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc thực tế tại các doanh nghiệp SXKD...
<b>Tiêu chuẩn 3.6.</b> Nhà giáo tham gia thực tập/bồi dưỡng/thăm quan tại các doanh nghiệp theo quy định và tối thiểu 03 tuần một năm để cập nhật kiến thức/kỹ năng/công nghệ tiên tiến	2	2	Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định về việc giáo viên tham gia thực tế, bồi dưỡng, thăm quan tại các doanh nghiệp để phục vụ công tác giảng dạy. Hằng năm nhà Trường có chủ trương cho GV đi học tập thực tế ở các doanh nghiệp SXKD để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và cập nhật kiến thức thực tiễn.
<b>Tiêu chuẩn 3.7.</b> Nhà giáo dạy thực hành có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 trở lên	3	3	Hiện nay 100% giáo viên của Trường đã có chứng chỉ sư phạm bậc 1,2 và chứng chỉ sư phạm giảng dạy bậc đại học, cao đẳng.
<b>Tiêu chuẩn 3.8.</b> Nhà giáo dạy các nghề trọng điểm quốc tế có chứng chỉ sư phạm/chứng chỉ kỹ năng nghề/chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng do tổ chức quốc tế cấp	2	1	Sau khi được phê duyệt đào tạo nghề trọng điểm quốc tế. Nhà trường sẽ triển khai cho giáo viên dạy nghề trọng điểm chứng chỉ kỹ năng nghề.
<b>Tiêu chuẩn 3.9.</b> Tỷ lệ nhà giáo có trình độ thạc sỹ trở lên ít nhất là 70%.	3	3	$76/86=88,4\%$ giáo viên của Trường có trình độ thạc sỹ; $3/86= 3,4\%$ có trình độ Tiến sĩ; 05 người đang học NCS
<b>Tiêu chuẩn 3.10.</b> Trường có ít nhất 05 nhà giáo là đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia và có nhà giáo là đánh giá viên kỹ năng nghề quốc tế	2	1	Để nâng cao chất lượng đội ngũ, từng bước hội nhập với khu vực và quốc tế, đội ngũ giảng viên của trường cần được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tới

#### 2.4. Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo và Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
------------	------------	------------------	-------------

<b>Tiêu chuẩn 4.1:</b> Trường xây dựng chuẩn đầu ra cho tất cả các chương trình đào tạo của Trường;	2	2	100% chương trình đào tạo của các ngành học ở các trình độ của Trường đều đã xây dựng chuẩn đầu ra.
<b>Tiêu chuẩn 4.2.</b> Chương trình đào tạo nghề trọng điểm quốc tế áp dụng tiêu chuẩn của chương trình chuyển giao từ các nước khu vực ASEAN-4 và các nước phát triển thuộc nhóm G20.	2	0	
<b>Tiêu chuẩn 4.3.</b> Chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu tham khảo, bài giảng của 100% mô-đun, mô học của các chương trình đào tạo các nghề trọng điểm được số hóa.	2	1	80% bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo của các môn học, mô-đun của các chương trình đào tạo đã được số hóa. Để cải tiến và nâng cao chất lượng giảng dạy. Hầu hết giảng viên các khoa toàn trường đã ứng dụng công nghệ khoa học mới trong giảng dạy.
<b>Tiêu chuẩn 4.4.</b> Các chương trình đào tạo các nghề trọng điểm sử dụng phần mềm mô phỏng thực hành nghề đáp ứng yêu cầu giảng dạy.	2	2	Sau khi được phê duyệt đào tạo nghề trọng điểm. Nhà trường sẽ triển khai để đạt 80% chương trình đào tạo nghề trọng điểm có các thiết bị thực hành, phần mềm mô phỏng; bài giảng, tài liệu giảng dạy sử dụng phần mềm và đảm bảo hiệu quả sử dụng từ 80%.
<b>Tiêu chuẩn 4.5.</b> Diện tích đất sử dụng tối thiểu 50.000 m <sup>2</sup> , trong đó bảo đảm diện tích phòng học, xưởng dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 7,5 m <sup>2</sup> /chỗ học; diện tích phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ bảo đảm ít nhất bình quân 8 m <sup>2</sup> /người.	2	2	Hiện tại tổng diện tích đất tại 2 cơ sở của Trường là <b>644.796,8 m<sup>2</sup></b> ; Cơ sở I: diện tích= 144.796,8 m <sup>2</sup> Cơ sở II: diện tích =500.000 m <sup>2</sup> Tổng 23 phòng học lý thuyết, diện tích 3.196 m <sup>2</sup> ; Nhà làm việc 3.007 m <sup>2</sup> ; 07 phòng thực

			hành, diện tích 636 m <sup>2</sup> . Trong đó bảo đảm diện tích phòng học, xưởng dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 7,5 m <sup>2</sup> /chỗ học; diện tích phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ bảo đảm ít nhất bình quân 8 m <sup>2</sup> /người.
<b>Tiêu chuẩn 4.6.</b> Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo để hình thành 3 kỹ năng: kỹ năng cơ bản chung của lĩnh vực nghề, kỹ năng chuyên môn nghề, kỹ năng tổng thể trong điều kiện làm việc thực tế.	3	3	Cơ sở vật chất của Nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo để hình thành 3 kỹ năng: kỹ năng cơ bản chung của lĩnh vực nghề, kỹ năng chuyên môn nghề, kỹ năng tổng thể trong điều kiện làm việc thực tế của HSSV. Nhà trường có kế hoạch, lịch sử dụng, kế hoạch quản lý xưởng thực hành.
<b>Tiêu chuẩn 4.7.</b> Thiết bị đào tạo các nghề trọng điểm phù hợp với công nghệ hiện đại áp dụng tại doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động	3	3	Máy móc thiết bị phục vụ cho giảng dạy học tập trị giá trên 21 tỷ đồng, trang bị các phòng thực hành: 01 phòng thư viện; 01 phòng học chuyên dùng học ngoại ngữ ; 06 phòng học tin học; 07 phòng thực hành; 01trại thực nghiệm nước mặn lợ và 01 trại thực nghiệm nước ngọt kết hợp phục vụ thực hành thực tập, nghiên cứu khoa học và liên kết với các doanh nghiệp sản xuất nuôi thủy, hải sản...
<b>Tiêu chuẩn 4.8.</b> Trường thực hiện quản lý, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị theo đúng quy trình chuẩn	2	2	Hàng năm, Trường có kế hoạch về quản lý kiểm kê tài sản, bảo trì và bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy – học và nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và

			HSSV.
<b>Tiêu chuẩn 4.9.</b> Trường có và sử dụng hiệu quả trang thiết bị an toàn	2	2	Nhà trường luôn sử dụng các trang thiết bị an toàn của từng nghề đào tạo; vị trí lưu trữ trang thiết bị an toàn được đặt ở nơi khô ráo, đảm bảo an toàn.

## 2.5. Tiêu chí 5. Quản trị nhà trường hiệu quả và hội nhập quốc tế

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
<b>Tiêu chuẩn 5.1.</b> Trường có chiến lược phát triển trường và kế hoạch trong 5 năm với các nguồn tài chính dự kiến đủ để triển khai các hoạt động, bù đắp cho các chi phí hiện tại cũng như dự phòng để tái đầu tư;	2	2	Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển trường giai đoạn đến 2020, tầm nhìn đến 2025.
<b>Tiêu chuẩn 5.2.</b> Trường có ít nhất 05 kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp.	1	0	Hiện nay nhà trường mới có 3 kiểm định viên giáo dục .Để nâng cao chất lượng đội ngũ, Trường đã có kế hoạch cử 5 giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên.giáo dục nghề nghiệp
<b>Tiêu chuẩn 5.3.</b> Hàng năm, Trường có kế hoạch và thực hiện các hoạt động quản lý/đảm bảo chất lượng nội bộ (Khảo sát lấy ý kiến các đối tượng liên quan đến hoạt động đào tạo; nghiên cứu lần vết; đánh giá các quy trình quản lý chất lượng; dự giờ).	2	2	Để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của nhà trường, hàng năm Trường đã xây dựng Kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến cán bộ, giáo viên, HSSV về việc thực hiện các hoạt động quản lý, đảm bảo chất lượng giảng dạy của Giảng viên, nhân viên.
<b>Tiêu chuẩn 5.4.</b> Các kết quả từ việc thực hiện các hoạt động quản lý chất lượng được sử dụng hàng năm để nâng cao chất lượng đào tạo.	1	1	Cuối mỗi học phần, môn học Nhà trường tiến hành phát phiếu khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Kết quả khảo sát làm cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm trong công tác giảng dạy,



			đồng thời để tổng hợp thống kê viết báo cáo định kỳ.
<b>Tiêu chuẩn 5.5.</b> Các hoạt động quản lý văn bản; quản lý đào tạo (quản lý chương trình đào tạo, môn học, học sinh, điểm...), quản lý thư viện; kế toán; quản lý tài sản; quản lý cán bộ, giáo viên, giảng viên của trường nghề có sử dụng phần mềm phục vụ hiệu quả yêu cầu công việc (không tính phần mềm word, excel).	2	2	Hiện nay Nhà trường đang sử dụng các phần mềm: Quản lý đào tạo; Quản lý tài sản, Kế toán theo quy định của Bộ tài chính. Công tác hành chính được triển khai bằng phần mềm văn phòng. Trường có hệ thống website nội bộ, email riêng cho cán bộ, giảng viên, HSSV.
<b>Tiêu chuẩn 5.6.</b> Đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường có chứng chỉ/bằng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp/quản lý trường học hoặc có kinh nghiệm làm việc tại vị trí tương đương.	2	2	100% cán bộ quản lý của Nhà trường đã có chứng chỉ nghiệp vụ quản lý. Trường có đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên đảm bảo yêu cầu về chuyên môn đáp ứng các yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.
<b>Tiêu chuẩn 5.7.</b> Hiệu trưởng có chứng chỉ đào tạo/bồi dưỡng quản lý giáo dục/giáo dục nghề nghiệp do tổ chức quốc tế cấp;	1	1	Hiệu trưởng có chứng chỉ đào tạo/bồi dưỡng quản lý giáo dục/giáo dục nghề nghiệp do tổ chức quốc tế cấp.
<b>Tiêu chuẩn 5.8.</b> Hàng năm có các chuyên gia phương pháp đào tạo, quản lý chất lượng và nghiên cứu ứng dụng đổi mới trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đến trường để chia sẻ/trao đổi kinh nghiệm.	1	1	Hàng năm, Nhà trường có mời các chuyên gia, các Nhà giáo có kinh nghiệm, ứng dụng đổi mới trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đến trường để chia sẻ/trao đổi kinh nghiệm cho cán bộ, giảng viên và HSSV.
<b>Tiêu chuẩn 5.9.</b> Trường thực hiện các nghiên cứu ứng dụng, các dự án thí điểm về đào tạo (khóa đào tạo mới; hình thức, nội dung, phương pháp đào tạo mới; đào tạo theo mô – đun/tín chỉ, đào tạo hợp tác với doanh nghiệp...)	2	2	Để tạo điều kiện thuận lợi cho người học, Nhà trường đã chuyển đổi phương thức đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ từ năm 2013.
<b>Tiêu chuẩn 5.10.</b> Thường xuyên hợp tác/trao đổi nội dung liên quan đến đào tạo với các cơ sở đào tạo	2	2	Nhà trường thường xuyên hợp tác/trao đổi nội dung liên quan đến đào tạo,

giáo dục nghề nghiệp/tổ chức đào tạo quốc tế.			NCKH với các cơ sở SXKD, doanh nghiệp trong nước và chuyên gia các nước.
<b>Tiêu chuẩn 5.11.</b> Thành viên của mạng lưới nghề nghiệp/hiệp hội nghề nghiệp quốc tế	1	0	Phân đầu đến năm 2020, nhà trường sẽ trở thành thành viên của mạng lưới nghề nghiệp/hiệp hội nghề nghiệp khu vực, quốc tế.

### **PHẦN III.**

## **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG**

### **I. Phương hướng chung về phát triển Trường giai đoạn đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

Để đáp ứng nguồn nhân lực có trình độ cao cho nhu cầu phát triển nhanh chóng của ngành Nông nghiệp, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

Trong thời gian qua, trường luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và kịp thời của cấp trên, đặc biệt là của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Lao động thương binh và xã hội. Với công sức và trí tuệ của hàng trăm cán bộ, giáo viên, nhân viên trường chung tay góp sức qua nhiều thế hệ, trường đã góp phần không nhỏ trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Nông nghiệp, Nông thôn và đất nước.

Quy mô đào tạo: Trên cơ sở các cấp bậc và ngành nghề đào tạo hiện nay, phát triển thêm ngành nghề mới, nâng quy mô đào tạo:

Giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020 là 4.713 học sinh sinh viên;

Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 là 6.568 sinh viên;

Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030 khoảng 7.844 sinh viên.

Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản phấn đấu trở thành Trường cao đẳng chất lượng cao và hướng tới trở thành trường đa ngành, đa nghề theo hướng thực hành ứng dụng có uy tín trong khu vực, cung cấp cho người học một môi trường giáo dục có tính chuyên môn cao; đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- *Từ năm 2017 đến năm 2020:* Tăng cường phát triển đội ngũ giảng viên, nhất là đội ngũ giảng viên có trình độ cao, với cơ cấu phù hợp; mở thêm các ngành học mới đáp ứng yêu cầu xã hội; tập trung nguồn lực tài chính, đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo, đưa Nhà trường phát triển lên một bước mới và khẳng định thương hiệu Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản phấn đấu trở thành Trường cao đẳng chất lượng cao đa ngành, đa nghề.

- *Từ năm 2021 đến 2030:* Tiếp tục đẩy mạnh phát triển toàn diện Nhà trường, tập trung nâng cao chất lượng đào tạo chất lượng cao vươn tầm với các nước trong khu vực, quốc tế.

### **II. Quy mô đào tạo và ngành nghề đào tạo**

#### **2.1. Quy mô đào tạo**

Mục tiêu của nhà trường là đa dạng hóa ngành nghề đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo cho tất cả các loại hình đào tạo; tạo dựng môi trường và cơ hội học tập

cho người học; thực hiện chuẩn chất lượng quốc gia và quốc tế. Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng, trung cấp, sau đó là trình độ đại học có đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp thành thạo, đạt tiêu chuẩn đáp ứng sự phát triển của kinh tế ngành và kinh tế - xã hội quốc gia.

Giai đoạn 2017 - 2025, tiếp tục duy trì sự ổn định ở các bậc đào tạo.

Giai đoạn 2026 - 2030, phát triển ngành nghề theo hướng trường đa ngành, đa nghề theo mục tiêu, phương hướng đã đề ra.

**Bảng 1: Dự kiến quy mô đào tạo giai đoạn 2017 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030**

*DVT: HSSV*

Trình độ đào tạo	Quy mô đào tạo					
	2017	2018	2019	2020	2021 - 2025	2026-2030
Cao đẳng	1138	1202	1418	1681	3156	3813
Trung cấp	976	1238	1820	2282	2662	3251
Sơ cấp	380	690	750	750	750	780
<b>Tổng cộng</b>	<b>2494</b>	<b>3130</b>	<b>3988</b>	<b>4713</b>	<b>6568</b>	<b>7844</b>

## 2.2. Ngành nghề đào tạo

Giai đoạn 2017 - 2030, nhà trường dự kiến mở thêm 10 ngành, nghề mới; cho các trình độ đào tạo Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp.

**Bảng 3: Ngành nghề đào tạo giai đoạn năm 2017 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030**

Giai đoạn	Các ngành dự kiến mở	Trình độ đào tạo
2017-2030	Điện dân dụng	Cao đẳng
	Điện công nghiệp	
	Điện tử công nghiệp	
	Công nghệ ô tô	
	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	
	Máy thời trang	
	Kỹ thuật chế biến món ăn	
	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	
	Điện tử công nghiệp	
	Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn	
2017-2030	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Trung cấp
	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	
	Điện dân dụng	
	Điện công nghiệp	
	Điện tử công nghiệp	
	Công nghệ ô tô	
	Công nghệ sinh học	
	Chế biến và bảo quản thủy sản	
	Máy thời trang	
	Kỹ thuật chế biến món ăn	
	Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn	
2017-2030	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Sơ cấp
	Điện công nghiệp	
	Điện dân dụng	
	Điện tử công nghiệp	
	Công nghệ ô tô	
	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	
	Chế biến và bảo quản thủy sản	
	Kỹ thuật chế biến món ăn	
	Máy thời trang	
	Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn	

### 2.3. Nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp

Để nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp, Nhà trường tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người học và xã hội về cách lựa chọn ngành nghề, trình độ đào tạo phù hợp với khả năng và nhu cầu của thị trường lao động; nâng cao nhận thức của người học về đào tạo và tự tích lũy toàn diện về trình độ chuyên môn “học là trải nghiệm với thực tiễn”; “lý thuyết nền tảng”; “kiến thức thực tế và kỹ năng làm việc”; bổ sung thêm ngoại ngữ, kỹ năng mềm để nâng cao khả năng tìm việc làm cho học sinh, sinh viên... Đồng thời, nâng cao nhận thức của học sinh, sinh viên để nuôi dưỡng ý trí và hoài bão “tự thân lập nghiệp”; nâng cao nhận thức của khối doanh nghiệp về sự cần thiết phải hợp tác và hỗ trợ cơ sở đào tạo.

Tăng cường điều tra, khảo sát, dự báo và đẩy mạnh công tác kế hoạch... để thực hiện quy hoạch nguồn cán bộ, giảng viên phù hợp với từng giai đoạn, ngành nghề, trình độ đào tạo.

Thực hiện hiệu quả việc hỗ trợ đào tạo giảng viên; xây dựng cơ chế xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trung cấp, cao đẳng hàng năm trên cơ sở nhu cầu của thị trường lao động, năng lực đào tạo và tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của Nhà trường;

Đầu tư nâng cao điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, hợp tác với đơn vị sử dụng lao động để xây dựng chương trình đào tạo cân đối giữa lý thuyết và thực hành, xây dựng chuẩn đầu ra, hỗ trợ học sinh, sinh viên thực tập và đánh giá học sinh, sinh viên tốt nghiệp theo yêu cầu của thị trường lao động.

Thiết lập cơ chế phối hợp giữa Nhà trường, doanh nghiệp và người học trong việc nắm bắt nhu cầu sử dụng, đặt hàng đào tạo cung ứng cho người sử dụng lao động, các Công ty Truyền thông, doanh nghiệp....

Thường xuyên cập nhật chương trình đào tạo, tăng cường năng lực ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên để chủ động tham gia thị trường lao động ở các nước trong khu vực.

Để đảm bảo thực hiện mục tiêu đề ra, Trường lập kế hoạch như sau:

STT	Nội dung	Giai đoạn	
		2017 - 2020	2021 - 2030
1.	Đào tạo tín chỉ	X	X
2.	Tăng cường kỹ năng mềm	X	X
3.	Đảm bảo chuẩn đầu ra	X	X
4.	Đào tạo theo chương trình chất lượng cao	X	X
5.	Áp dụng tiêu chuẩn quốc gia		X
6.	Áp dụng tiêu chuẩn quốc tế		X

## **2.4. Phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên**

Trong những năm qua đội ngũ cán bộ, giảng viên được tăng cường cả về số lượng và chất lượng nên trình độ giảng viên và cán bộ quản lý được nâng cao. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý từng bước được trẻ hóa, được đào tạo hệ chính quy tại các trường Đại học có uy tín, có sức khỏe tốt, có năng lực, nhiệt tình nghề nghiệp nên đảm bảo phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và quản lý trong hoạt động đào tạo của Trường.

### **\* Mục tiêu**

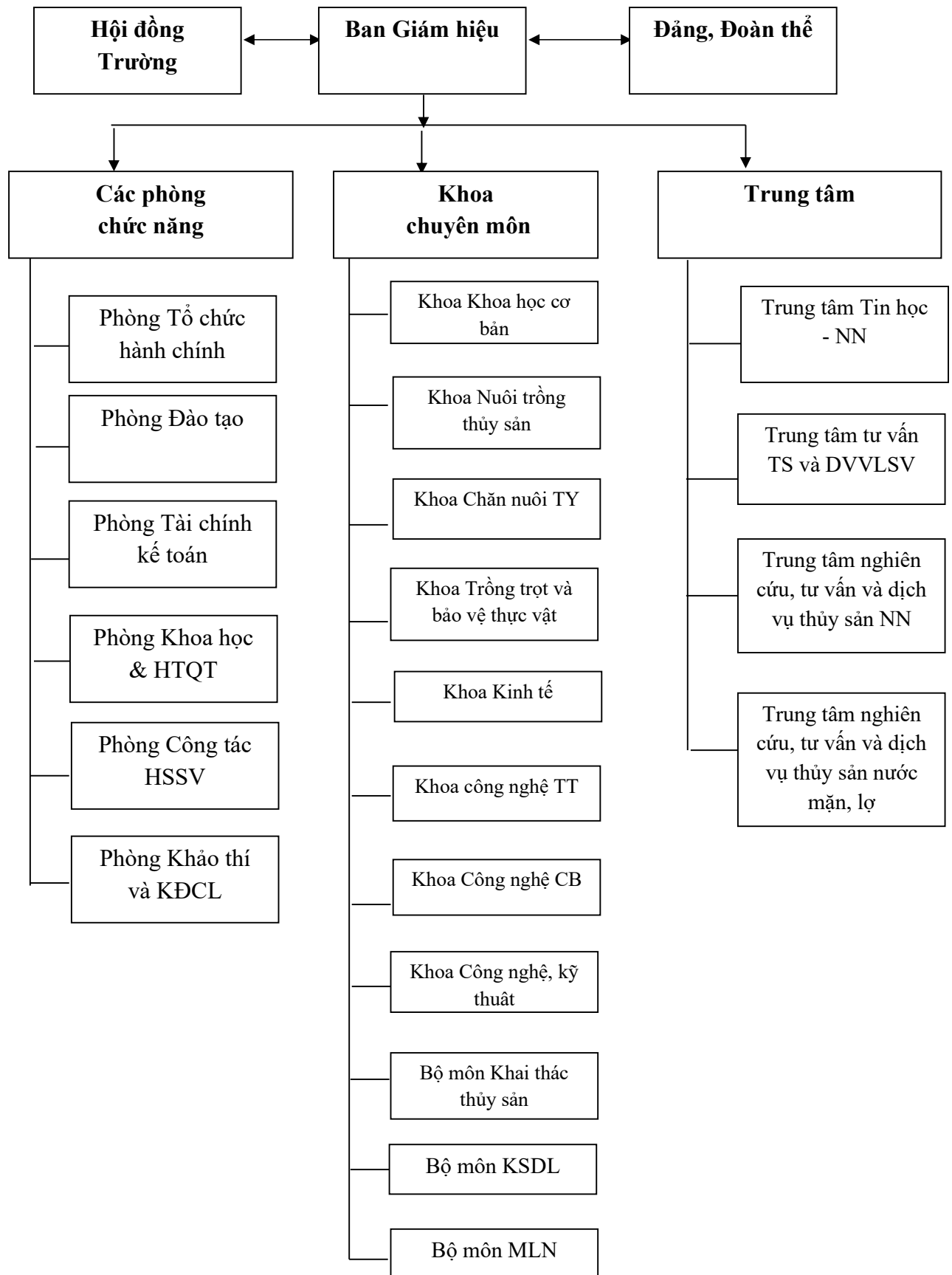
- Xây dựng hệ thống tổ chức hợp lý, hiệu quả; phân cấp, tăng quyền chủ động của các đơn vị, đảm bảo cho Trường trở thành cơ sở đào tạo đa ngành có uy tín, chất lượng.

- Xây dựng một đội ngũ đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, có đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao đáp ứng nhu cầu về quản lý, đào tạo và NCKH phục vụ cho yêu cầu phát triển của ngành, đất nước.

### **a). Tổ chức bộ máy**

Tập trung xây dựng đội ngũ; củng cố các đơn vị hiện có, điều chỉnh phù hợp với cơ cấu ngành nghề, đồng thời thành lập thêm một số đơn vị mới để đáp ứng việc mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo phù hợp với Quyết định 4368/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường;

## SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY





**Bảng 7: Cơ cấu nhân sự lãnh đạo***ĐVT: người*

STT	Cơ cấu nhân sự		Giai đoạn		
			2017-2020	2021-2025	2026-2030
1	Ban Giám hiệu	Hiệu trưởng	1	1	1
		Phó Hiệu trưởng	2	3	3
2	Lãnh đạo đơn vị	Trưởng đơn vị	1	1	1
		Phó trưởng đơn vị	1	2	2

**Bảng 8: Kế hoạch tổ chức bộ máy**

TT	Đơn vị	Giai đoạn		
		2017-2020	2021-2025	2026-2030
<b>I</b>	<b>CÁC TỔ CHỨC</b>			
1	Hội đồng Trường	x	x	x
2	Tổ chức Đảng và Đoàn thể	x	x	x
3	Các Hội đồng tư vấn	x	x	x
<b>II</b>	<b>KHỐI QUẢN LÝ</b>			
1	Ban Giám hiệu	x	x	x
2	Phòng Tổ chức hành chính	x	x	x
3	Phòng Đào tạo	x	x	x
4	Phòng Tài chính kế toán	x	x	x
5	Phòng Khoa học và HTQT	x	x	x
6	Phòng Khảo thí và KĐCL	x	x	x
7	Phòng Công tác HSSV	x	x	x
<b>III</b>	<b>KHỐI CHUYÊN MÔN</b>			
1	Khoa khoa học cơ bản	x	x	x
2	Khoa Nuôi trồng thủy sản	x	x	x
3	Khoa Chăn nuôi, thú y	x	x	x
4	Khoa Trồng trọt và bảo vệ thực vật	x	x	x

TT	Đơn vị	Giai đoạn		
		2017-2020	2021-2025	2026-2030
5	Khoa Kinh tế	x	x	x
6	Khoa Công nghệ chế biến	x	x	x
7	Khoa Công nghệ thông tin	x	x	x
8	Khoa Công nghệ, kỹ thuật	x	x	x
9	Bộ môn Khai thác thủy sản	x	x	x
10	Bộ môn Khách sạn, du lịch	x	x	x
11	Bộ môn Mác – Lê nin	x	x	x
<b>IV</b>	<b>KHỐI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP</b>			
1	Trung tâm tư vấn tuyển sinh và dịch vụ việc làm sinh viên	x	x	x
2	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x	x	x
3	Trung tâm nghiên cứu, tư vấn và dịch vụ thủy sản nước mặn, lợ	x	x	x
4	Trung tâm nghiên cứu, tư vấn và dịch vụ thủy sản nước ngọt	x	x	x

#### b). Phát triển nguồn nhân lực

Thứ nhất, về số lượng: sử dụng có hiệu quả số cán bộ, giảng viên; tiếp tục tuyển mới cán bộ, giảng viên theo chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao và kế hoạch sử dụng nhân lực phục vụ phát triển loại hình đào tạo, bậc đào tạo.

**Bảng 4: Nhu cầu đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu**

Chỉ tiêu	2017-2020		2021-2025		2026-2030	
	Số lượng (người)	Cơ cấu (%)	Số lượng (người)	Cơ cấu (%)	Số lượng (người)	Cơ cấu (%)
Giảng viên	86	55.13 %	110	59.46 %	150	63.83 %
Quản lý, phục vụ	70	44.87 %	75	40.54 %	85	36.17 %
<b>Tổng cộng</b>	<b>156</b>	<b>100 %</b>	<b>185</b>	<b>100 %</b>	<b>235</b>	<b>100 %</b>

Thứ hai, về chất lượng: xây dựng đội ngũ chuẩn hóa về chất lượng đáp ứng việc mở rộng quy mô và loại hình đào tạo; nâng cao chất lượng đào tạo và yêu cầu nhiệm vụ. Bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ hiện có; tăng cường thu hút đội ngũ có trình độ cao, nhất là Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ về phục vụ, công tác.

**Bảng 5: Nhu cầu trình độ cán bộ, giảng viên**

Chỉ tiêu		2017-2020		2021-2025		2026-2030	
		Số lượng (người)	Cơ cấu (%)	Số lượng (người)	Cơ cấu (%)	Số lượng (người)	Cơ cấu (%)
Học hàm	Giáo sư	0	0.00	0	0.0	0	0.00
	Phó giáo sư	0	0.00	1	0.5	2	0.85
Học vị	Tiến sĩ	3	1.92	8	4.3	24	10.21
	Thạc sĩ	76	48.72	89	48.1	100	42.55
	Cử nhân ĐH	48	30.77	60	32.4	70	29.79
	Cử nhân CĐ	6	3.85	5	2.7	16	6.81
	Trung cấp	8	5.13	6	3.2	5	2.13
	Khác	15	9.62	16	8.6	18	7.66
<b>Tổng cộng</b>		<b>156</b>	<b>100</b>	<b>185</b>	<b>100</b>	<b>235</b>	<b>100</b>

Nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch bổ sung số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục theo Quy hoạch phát triển Trường giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, tuyển dụng đủ số lượng giảng viên cho từng chuyên ngành đào tạo trong Trường. Có kế hoạch đưa cán bộ giảng viên đi đào tạo sau đại học, ưu tiên hợp lý cho giảng viên đi nghiên cứu sinh trong nước và ngoài nước.

Triển khai ký hợp đồng giảng dạy, tư vấn đào tạo và hợp đồng thỉnh giảng đối với các giảng viên có trình độ cao, có uy tín giảng dạy, có kinh nghiệm quản lý kinh doanh ở các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có uy tín trong khu vực để bổ sung cho đội ngũ cán bộ giảng dạy.

## 2.5. Đầu tư cơ sở vật chất

Với diện tích đất hiện tại của Trường 2 cơ sở Tổng = 644.796,8 m<sup>2</sup>, trong đó Cơ sở I: diện tích= 144.796,8 m<sup>2</sup> được xây dựng đã lâu cần phải cải tạo nâng cấp với đáp ứng được nhu cầu phát triển Trường theo quy mô dự kiến:

Căn cứ vào định hướng phát triển quy mô của các giai đoạn đầu tư, hướng tới tiêu chuẩn của Trường Cao đẳng chất lượng cao trong tương lai nhu cầu xây dựng cơ bản về cơ sở vật chất được dự kiến như sau:

**Bảng 6. Kế hoạch về định mức diện tích sàn (m<sup>2</sup>/HSSV)**

STT	Loại hình/Công trình	2017 - 2020	2020 - 2025	2025 - 2030
1	Giảng đường học tập	0,94m <sup>2</sup> /HS	1,5m <sup>2</sup> /HS	1,5m <sup>2</sup> /HS

STT	Loại hình/Công trình	2017 - 2020	2020 - 2025	2025 - 2030
2	Nhà xưởng thực hành	0,41m <sup>2</sup> /HS	1,7m <sup>2</sup> /HS	3m <sup>2</sup> /HS
3	Thư viện	0,17m <sup>2</sup> /HS	1,5m <sup>2</sup> /HS	1,5m <sup>2</sup> /HS
4	Kỹ túc xá	1m <sup>2</sup> /HS	3m <sup>2</sup> /HS	4,8m <sup>2</sup> /HS
5	Khu hiệu bộ	0,7m <sup>2</sup> /HS	1,2m <sup>2</sup> /HS	1,5m <sup>2</sup> /HS
6	Văn phòng Khoa, bộ môn	0,7m <sup>2</sup> /HS	1,2m <sup>2</sup> /HS	1,5m <sup>2</sup> /HS
7	Khu TĐTT	0,6m <sup>2</sup> /HS	1,0m <sup>2</sup> /HS	1,4m <sup>2</sup> /HS
8	Khu dịch vụ sinh viên	0,25m <sup>2</sup> /HS	0,5m <sup>2</sup> /HS	1m <sup>2</sup> /HS
9	Đất giao thông	2,5m <sup>2</sup> /HS	3,2m <sup>2</sup> /HS	3,2m <sup>2</sup> /HS
10	Đất cây xanh	1,6m <sup>2</sup> /HS	1,9m <sup>2</sup> /HS	2,2m <sup>2</sup> /HS

## 2.6. Phương án về tài chính

### Dự kiến thu các nguồn tài chính:

Căn cứ vào dự kiến quy mô đào tạo đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 có tính khả thi, Nhà trường cần lượng kinh phí vừa để đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị giảng dạy học tập, nâng cao trình độ cho đội ngũ, nghiên cứu khoa học, vừa để chi cho hoạt động thường xuyên đó là:

### **Nguồn thu học phí:(Có bảng chi tiết kèm theo)**

**Từ nay đến 2030 là: 836.753.900 đồng trong đó:**

Thu học phí bậc Cao đẳng là: 418.900.600.000 đồng

Thu học phí bậc Trung cấp: 417.853.300.000 đồng

**Nguồn thu từ dịch vụ từ nay đến 2030 là: 80.638.000.000 đồng ( Có chi tiết kèm theo)**

**PHẦN IV.**  
**ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật và thủy sản trước đây chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đã tự đánh giá và nộp báo cáo các năm cho Cục khảo thí-Bộ giáo dục- Đào tạo. Thực hiện theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, Trường chuyển sang chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp -Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Vì vậy, Trường còn gặp một số khó khăn trong các tiêu chí, tiêu chuẩn theo tự đánh giá mức độ đạt được tiêu chí của trường chất lượng cao. Trường rất mong Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp quan tâm, tạo điều kiện.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN&PTNT (Báo cáo);
- Tổng cục GDNN (Báo cáo);
- Sở LĐ, TB và XH (Báo cáo)
- Ban giám hiệu;
- Lưu: KT&KĐCL.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Bùi Thị Hạnh**

